

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Số: *1499*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Bái, ngày *22* tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên quản lý trên địa bàn thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2023 - 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần nước sạch và môi trường Lục Yên tại Tờ trình số 21/TTr-Cty ngày 19/6/2023; đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1792/BC-SXD ngày 08/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên quản lý trên địa bàn thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2023-2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên tổ chức thực hiện theo Kế hoạch được duyệt. Trường hợp có nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế sử dụng nước thì kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

2. Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên và các đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch được duyệt tổ chức thực hiện; kiểm tra, rà soát, gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn (đợt xuất khi được yêu cầu) và theo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6 và trước ngày 15/12) về Thường trực Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên; các thành viên Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh; Giám đốc cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các phó CT UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó VP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, NN, XD.





Trần Huy Tuấn

Yên Bái, ngày 22 tháng 8 năm 2023



KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên quản lý trên địa bàn thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2023-2025)

(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên quản lý trên địa bàn thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2023-2025).

2. Đơn vị lập: Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên.

3. Địa điểm thực hiện Kế hoạch: Địa bàn cấp nước sạch khu vực thị trấn Yên Thế và vùng phụ cận (như xã Minh Xuân, xã Yên Thắng, xã Liễu Đô), huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Ban Cấp nước an toàn

a) Nguyên tắc hoạt động

Ban Cấp nước an toàn của Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên là tập hợp các nhân lực bao gồm Ban giám đốc, các phòng ban thuộc Công ty được hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm.

b) Thành phần Ban Cấp nước an toàn

Gồm 08 người, trong đó: Giám đốc làm Trưởng ban; Phó Giám đốc làm Phó Trưởng ban, bộ phận kỹ thuật là các thành viên trong Ban.

5. Mục tiêu Kế hoạch

a) Mục tiêu chung

- Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, cung cấp nước ổn định, đủ lượng nước và bảo đảm chất lượng nước sạch theo quy chuẩn quy định.

- Có các giải pháp đối phó với các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến khách hàng sử dụng nước. Ngăn ngừa sự tái nhiễm trong quá trình phân phối và sử dụng nước.

- Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, đủ lượng nước và đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Cung cấp ổn định, hạn chế mức tối đa việc ngừng cấp nước, ngừng cấp nước không được quá tối đa 24 giờ.

- Đến năm 2025: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 91%, với tiêu chuẩn cấp nước đạt 100-120 lít/người/ngày đêm.

- Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch khu vực đô thị hiện nay từ 27% còn 15%, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt hồ Làng Át, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công ty TNHH Đại Lợi quản lý theo Hợp đồng kinh tế giữa công ty TNHH Đại Lợi và Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên (Hợp đồng số 01/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021) với lưu lượng: 1.500 m³/ngày đêm (đập Làng Át do công ty TNHH Đại Lợi quản lý, vận hành, khai thác). Tổng công suất thiết kế của nhà máy là 1.500 m³/ngày đêm.

- Phạm vi cấp nước: Cấp nước ăn uống, sinh hoạt và sản xuất cho dân cư, các cơ quan, đơn vị sản xuất công nghiệp thuộc địa bàn thị trấn Yên Thế và vùng phụ cận (như xã Minh Xuân, xã Yên Thắng, xã Liễu Đô), huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Vị trí thu nước: Nguồn nước mặt hồ Làng Át, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Xử lý nước: Xử lý nước bằng các phương pháp cơ học (trộn, lắng, lọc) và hoá học (phèn, clo).

- Dự trữ: Lượng nước dự trữ trong hệ thống tại các bể chứa làm nhiệm vụ điều hoà mạng lưới, phục vụ việc xử lý nước và dự trữ chữa cháy.

- Vận chuyển, phân phối: Nước sạch sản xuất tại nhà máy xử lý nước được hoà mạng và phân phối nước cho thị trấn Yên Thế, các vùng phụ cận. Từ các trạm xử lý nước được phân phối theo các đường ống truyền tải cấp 1, ống cấp 2, ống cấp 3 và cuối cùng là các đường ống dịch vụ. Tổng chiều dài hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn nước sạch $L = 35.035$ m.

b) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước

Nhà máy nước Yên Thế: Nước thô → Bể trộn phản ứng (châm Clo, Phèn) → Bể tạo bông → Bể lắng ngang → Bể lọc Cát → Bể chứa nước sạch (châm Clo diệt khuẩn) → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới phân phối.

c) Các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước

Tổng số lượng khách hàng sử dụng nước sạch trên địa bàn tính đến thời điểm tháng 8/2023 khoảng 2.452 khách hàng, trong đó:

- Khu vực thị trấn Yên Thế: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch khoảng 2.053 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 1.904 khách hàng (93%); Khối hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang: 77 khách hàng (4%); Khách hàng sử dụng nước kinh doanh dịch vụ: 72 khách hàng (3%)).

- Khu vực xã Minh Xuân: Khoảng 94 khách hàng;

- Khu vực xã Liễu Đô: Khoảng 142 khách hàng;

- Khu vực xã Yên Thắng: Khoảng 163 khách hàng.

Lưu lượng cấp nước cho khách hàng 05 năm gần nhất: Năm 2018: 475.477 m³; năm 2019: 434.721 m³; năm 2020: 418.468 m³; năm 2021: 403.095 m³; năm 2022: 382.903 m³; 6 tháng đầu năm 2023: 210.499 m³.

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước

a) Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực

Nguy cơ từ việc ô nhiễm nguồn nước (ô nhiễm từ thuốc bảo vệ thực vật, từ chất thải chăn nuôi, ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt chảy ngầm trong lòng đất, đồ rác thải gần khu vực đập,...); sạt lở xung quanh đập; trữ lượng khai thác không ổn định, cạn kiệt và các nguy cơ về các sự cố gián tiếp khác, cụ thể:

- Các nguồn phát sinh từ các hộ dân sinh sống xung quanh hồ chứa cũng như đầu nguồn: Chất thải sinh hoạt, chăn thả gia súc trong phạm vi hồ, sử dụng chất bảo vệ thực vật và thuốc trừ sâu trong canh tác nông nghiệp.

- Hệ thống bờ, kè bị sạt lở do tác động của mưa lũ với đặc điểm địa hình đồi núi dốc và các hoạt động của con người (tận dụng hệ thống suối đầu nguồn làm ao nuôi cá,... gây thay đổi dòng chảy).

b) Các nguy cơ, rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước

Sử dụng hoá chất không đúng định mức, lượng Clo dư không đảm bảo, máy định lượng hỏng hoặc gặp sự cố; không kiểm soát được các chỉ tiêu về hàm lượng cặn, độ đục, PH, kim loại, hoá chất, của nguồn nước và chất lượng nước đầu ra.

c) Các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước

Mất điện, bục vỡ mạng lưới đường ống, vật tư, thiết bị hỏng; quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng không chặt chẽ, không đúng quy trình, thiên tai lũ lụt.

d) Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa

- Nguồn nước: Bao gồm các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực, hệ thống đường ống vận chuyển nước thô.

- Công nghệ xử lý, vận hành: Bao gồm các nguy cơ, rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước, nguồn điện phục vụ cho nhu cầu vận hành nhà máy.

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng: Bao gồm các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước.

3. Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng

a) Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng

- Biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục đối với nguy cơ rủi ro từ nguồn nước, lưu vực:

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

+ Cấm biển cảnh báo, nghiêm cấm hành vi đổ rác, chôn thả gia súc xung quanh hồ; thường xuyên kiểm tra, giám sát; bố trí công nhân kiểm tra và nhắc nhở; thông báo cho đơn vị vi phạm bằng văn bản. Hiện tại xung quanh bờ đập có 04 biển cảnh báo.

+ Báo cáo tình hình về Ban Cấp nước an toàn Công ty, thông báo với cơ quan chức năng bằng văn bản khi có các hoạt động khai khoáng ảnh hưởng đến ô nhiễm nguồn nước; cử người trực và thông báo ngay khi có nguy cơ xâm phạm.

+ Tuần tra thường xuyên các hành lang an toàn bờ đập và tuyến ống có nguy cơ bị xâm hại; lập biển báo.

+ Xây kè chắn, bảo vệ nguồn nước; tuần tra thường xuyên, theo dõi nước theo mùa của từng năm để có biện pháp, kế hoạch ứng phó phù hợp.

- Biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục đối với các nguy cơ rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước:

+ Nguy cơ từ máy châm phen, châm Clo: Thực hiện thông kê các tình huống sự cố, mua sắm một số thiết bị vật tư dự phòng; tăng cường bảo dưỡng thường xuyên, thay thế.

+ Nguy cơ sét làm hư hỏng hệ thống bảo vệ trạm: Kiểm tra chống sét van định kỳ hàng năm, đo bảo dưỡng hệ thống tiếp địa; thoả thuận với các chi nhánh điện về giải quyết khi có sự cố.

+ Cháy động cơ do vận hành khi điện áp thấp hoặc quá tải: Theo dõi thường xuyên điện áp máy biến áp; nghỉ máy luân phiên; thay thế máy dự phòng; cảnh báo các nguy cơ cháy bơm do điện áp thấp.

+ Ban hành quy trình pha hoá chất, định mức sử dụng hoá chất, niêm yết tại khu vực nhà hoá chất.

+ Không tự kiểm soát được chất lượng đầu ra do thiết bị hỏng đột xuất: Tổ kỹ thuật vận hành báo ngay đến ban giám đốc để phối kết hợp cùng nhau theo dõi điều chỉnh hoá chất kịp thời; kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị, máy móc theo quy định; có thiết bị kiểm tra dự phòng.

- Biện pháp kiểm soát phòng ngừa, khắc phục các rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước:

+ Mất điện lưới, điện áp thấp: Phối hợp chặt chẽ với chi nhánh điện, có kế hoạch nghỉ máy theo thông báo; điều nước cho phù hợp để đảm bảo cấp nước.

+ Mở rộng đường, chỉnh trang đô thị làm bục vỡ đường ống: Phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, các đơn vị thi công, lập phương án xử lý, di chuyển hoặc khắc phục.

+ Kiểm tra thường xuyên trình độ tay nghề công nhân, đào tạo tại chỗ; điều chuyển công nhân tay nghề yếu, thiếu trách nhiệm.

+ Nhà máy thông kê các tình huống sự cố, tăng cường bảo dưỡng thường xuyên, thay thế thiết bị khi cần thiết.

+ Lập kế hoạch, biện pháp, thời gian thực hiện thổi rửa vệ sinh đường ống.

+ Có kế hoạch cấp nước hợp lý, cấp bù nước; thông báo cho khách hàng biết tình trạng sự cố, thời gian dự kiến cấp nước trở lại; sửa chữa, thay thế.

+ Các tình huống sự cố: Khách hàng không chấp hành và có hành vi gian lận trong sử dụng nước, mất cấp đồng hồ, đổ chất thải lên đồng hồ, van hỏng, sự cố khác,... được lập kế hoạch và triển khai các biện pháp thực hiện ngay khi xảy ra sự cố.

b) Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung: Chu kỳ hàng tháng, quý, năm, đơn vị thực hiện kiểm tra, rà soát các biện pháp kiểm soát phòng ngừa và khắc phục hiện tại đang thực hiện, đề xuất các biện pháp bổ sung, phối hợp với các bên liên quan kịp thời bổ sung các biện pháp khắc phục khi xảy ra sự cố; báo cáo Sở Xây dựng (cơ quan thường trực Ban Chỉ

đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Yên Bái) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Kiểm tra số lượng biển cảnh báo luôn bảo đảm về mật độ trong phạm vi hồ chứa và đầu nguồn để mọi người dễ dàng tiếp cận và tuân thủ theo biển cảnh báo. Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa những biển cảnh báo hư hỏng, thay thế và bổ sung kịp thời những biển cảnh báo bị mất.

c) Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro.

Kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ (tháng, quý, năm) theo mức độ ưu tiên.

4. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro: Kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ hàng tháng.

5. Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp

a) Lập và phân công cụ thể công việc và trách nhiệm của các tổ, các bộ phận quản lý vận hành.

- Bộ phận quản lý gồm 02 người: Chịu trách nhiệm phân công công việc, báo cáo giải trình khắc phục sự cố, chăm sóc khách hàng (thông báo qua tin nhắn, hỗ trợ khách hàng gặp sự cố).

- Tổ kỹ thuật vận hành nhà máy gồm 02 người: Chịu trách nhiệm về các nguy cơ, rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước, nguồn điện phục vụ cho nhu cầu vận hành nhà máy.

- Tổ kỹ thuật đường ống gồm 04 người: Chịu trách nhiệm về các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực, hệ thống đường ống vận chuyển nước thô, hệ thống cung cấp nước tinh tới khách hàng... bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước.

b) Phát hiện và thông báo sự cố

- Xây dựng các kịch bản, tình huống sự cố, mất kiểm soát trong các vấn đề (nguồn cấp, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống...) nhằm kịp thời phát hiện và thực hiện hành động ứng phó theo quy trình đã được xây dựng theo kịch bản.

- Khi phát hiện các biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp thì nhân viên lập tức thông báo cho lãnh đạo phòng ban, Ban Cấp nước an toàn lập đề xuất báo cáo Giám đốc để phê duyệt kế hoạch ứng phó.

c) Bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng

Bảo đảm thông tin liên tục, kịp thời báo cáo các sự cố tới các cơ quan chức năng khi có sự cố xảy ra.

d) Xác định nguyên nhân sự cố

Ban Cấp nước an toàn Công ty; các phòng Kỹ thuật thực hiện kiểm tra chi tiết sự cố, lập biên bản sự cố và đánh giá, phân tích các nguyên nhân gây ra sự cố.

đ) Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố

Đề xuất biện pháp ứng phó với sự cố, báo cáo lãnh đạo xin ý kiến; lập biên bản xử lý, khắc phục sự cố.

e) Thực hiện các hành động ứng phó

Hướng dẫn ứng phó với sự cố theo Kịch bản (nếu sự cố nằm trong kịch bản ứng phó đã xây dựng); cô lập sự cố: Thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm tách, ngắt thiết bị, khu vực bị sự cố ra khỏi dây truyền và hệ thống nhằm không gây ảnh hưởng rộng trên hệ thống và giảm thiểu tổn thất; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư máy móc, thiết bị để ứng phó; xây dựng phương án dự phòng.

g) Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết: Thực hiện xử lý sự cố và giám sát; khôi phục cung cấp ổn định cho khách hàng.

h) Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài: Kiểm tra, đánh giá các thiệt hại do sự cố tác động, đánh giá hậu quả trước mắt và lâu dài.

i) Giải trình, báo cáo: Giải trình sự cố; lập hồ sơ sự cố; báo cáo chi tiết; lập hồ sơ khối lượng thực hiện xử lý sự cố; thanh toán khối lượng thực thi.

k) Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục: Lưu giữ hồ sơ sự cố.

l) Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai: Phân tích đánh giá nguyên nhân, hậu quả; biện pháp khắc phục; đưa ra các biện pháp ngăn ngừa sự cố tương tự và báo cáo cơ quan chức năng.

6. Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

a) Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác

Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ thường xuyên các chỉ tiêu chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCVN 01:2022/YB ban hành kèm theo

Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

- Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Ký hiệu QCĐP 01:2022/YB).

c) Các yêu cầu về quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý ISO:9000

Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng theo ISO:9000 được triển khai áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn

a) Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục.

- Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

b) Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu: Gồm 07 bước, cụ thể:

Bước 1: Yêu cầu soạn thảo sửa đổi.

Bước 2: Xem xét yêu cầu.

Bước 3: Người được phân công thực hiện lập mới hoặc sửa đổi thông tin.

Bước 4: Trưởng bộ phận xem xét.

Bước 5: Ban Giám đốc - Phê duyệt.

Bước 6: Ban hành và cập nhật vào danh mục kiểm soát tài liệu nội bộ.

Bước 7: Phân phối tài liệu đến các cá nhân, tổ chức liên quan và thực hiện quy trình lưu hồ sơ.

c) Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ

- Lập danh mục hồ sơ.

- Thu thập, phân loại, sắp xếp, kiểm soát hồ sơ.

- Truy cập, sử dụng hồ sơ.

- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ.

- Huỷ hồ sơ.

d) Lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết

Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 01 năm hoặc bất thường thực hiện công tác rà soát các văn bản tài liệu liên quan về hệ thống cấp nước; kế hoạch cấp nước an toàn cho các hạng mục công trình thuộc hệ thống mạng lưới cấp nước, tiêu thụ nước và chỉnh sửa khi cần thiết.

đ) Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước: Ban Cấp nước an toàn Công ty lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo quy trình nội bộ.

e) Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng

Thực hiện tiếp nhận phân loại ý kiến → Phiếu yêu cầu xử lý khiếu nại
→ Xem xét phân tích nguyên nhân → Đề ra biện pháp và trách nhiệm xử lý
→ Duyệt → Chuyển các bộ phận liên quan → Ý kiến của khách hàng sau xử lý
→ Thực hiện theo dõi và đánh giá kết quả xử lý → Lưu trữ hồ sơ.

8. Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, thường xuyên máy bơm, thiết bị nhà máy nước, kế hoạch thực hiện: Định kỳ hàng quý.

- Giảm tỷ lệ thất thoát nước

+ Phân vùng tách mạng - quản lý thất thoát nước, kế hoạch thực hiện: Thường xuyên.

+ Thay thế các tuyến ống cũ, kế hoạch thực hiện: Thường xuyên.

+ Thay thế kiểm định đồng hồ, kế hoạch thực hiện: Thường xuyên.

- Quản lý mạng lưới

Xét nghiệm chất lượng nước, xúc xả tuyến đường ống cấp nước sạch, kế hoạch thực hiện: Thường xuyên.

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

- Kiểm tra chất lượng nước thô: Áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kế hoạch thực hiện: 06 tháng/lần.

- Kiểm tra nước sạch sau xử lý: Kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT; QCĐP 01:2022/YB, gồm:

+ Thử nghiệm định kỳ: Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 8 thông số chất lượng nước sạch nhóm A - QCĐP không ít hơn 01 lần/1 tháng. Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 24 thông số chất lượng nước sạch nhóm B - QCĐP không ít hơn 01 lần/6 tháng.

+ Đơn vị tiến hành thử nghiệm toàn bộ 99 thông số chất lượng nước sạch trong danh mục các thông số chất lượng nước sạch quy định tại Điều 4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT trong các trường hợp sau:

(1) Trước khi đi vào vận hành lần đầu.

(2) Sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất.

(3) Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch.

(4) Khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(5) Định kỳ 03 năm 1 lần thử nghiệm toàn bộ 99 thông số trong QCVN 01-1:2018/BYT kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn

Hàng năm có kế hoạch đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân viên các bộ phận và tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về lĩnh vực cấp nước.

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn

Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm bằng hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo

- Các bộ phận được phân công phụ trách gửi các kiến nghị, đề xuất hàng tháng về phòng Kỹ thuật để tổng hợp báo cáo, khi có sự cố lớn phải báo ngay, trực tiếp với Ban Cấp nước an toàn Công ty để xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh.

- Hàng quý các bộ phận được phân công phụ trách gửi báo cáo về Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Hàng năm thực hiện đánh giá tổng kết các nhiệm vụ được giao và thực hiện, các vấn đề phát sinh.

- Ban Cấp nước an toàn Công ty trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc tiến hành đề xuất, đề nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn gửi Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái).

10. Đầu tư phát triển nguồn cung cấp nước sạch và mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực đô thị

- Tiếp tục duy trì Nhà máy sản xuất nước sạch công suất 1.500 m³/ngày; Nhà máy do Công ty cổ phần Nước sạch và Môi trường Lục Yên quản lý, vận hành, khai thác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống cấp II và cấp III trong khu vực thị trấn Yên Thế để cung cấp nước sạch cho các hộ dân ở các tổ dân phố chưa có hệ thống đường ống cấp nước và vùng phụ cận.

11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định./.